CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group

Ngày 31/12/2024	13,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**-4.5%**	**-1.9%**

DT thuần
Q4/24
602
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 235| 63.9%
YoY: ▲ 255| 73.4%

LN thuần
Q4/24
37.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 48.1%
YoY: ▼18.1| -32.3%

LN sau thuế
Q4/24
26.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.50| 10.4%
YoY: ▼14.4| -35.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
7.4%
YoY: +/-▼ 17.0%

ROE
2024
0.2%
YoY: +/-▼ 4.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,674 - 14,824
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	981
Số lượng CPLH (CP)	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,325
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.08)
EPS	90
P/E	144.2

DT thuần
2024
1,569
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 282| 21.9%

LN thuần
2024
4.61
tỷ VNĐ
YoY: ▼217| -97.9%

LN sau thuế
2024
0.43
tỷ VNĐ
YoY: ▼166| -99.7%

Cơ cấu sở hữu

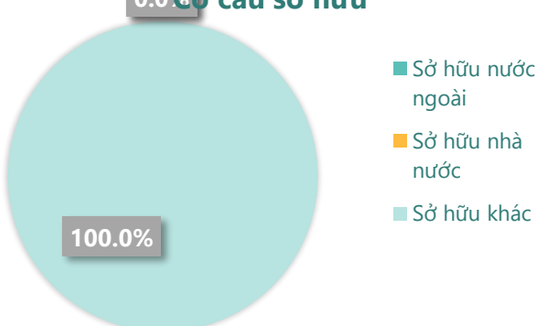

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

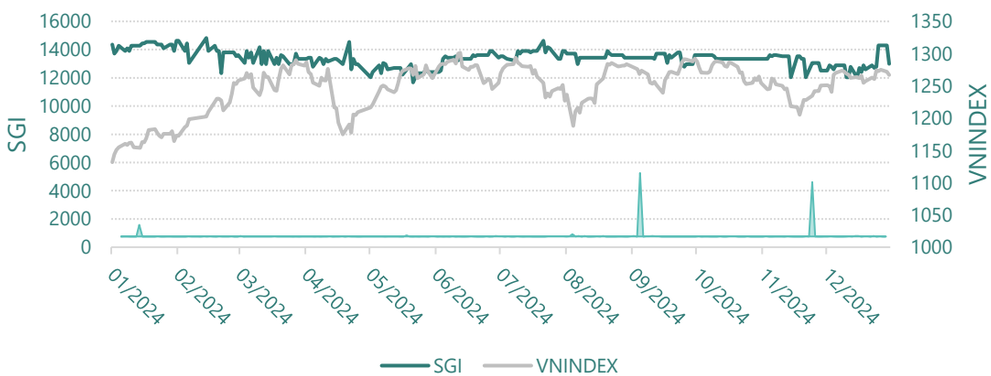

Cơ cấu cổ đông

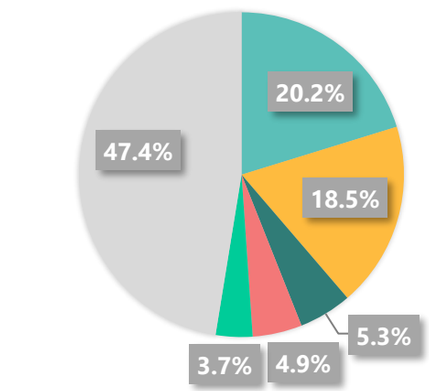

- Nguyễn Quốc Việt (Tổng giám đốc)
- CTCP Đầu tư Hưng Phúc
- Phạm Xuân Hồng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Cao Thị Quỳnh Liên
- Nguyễn Ngọc Điệp (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

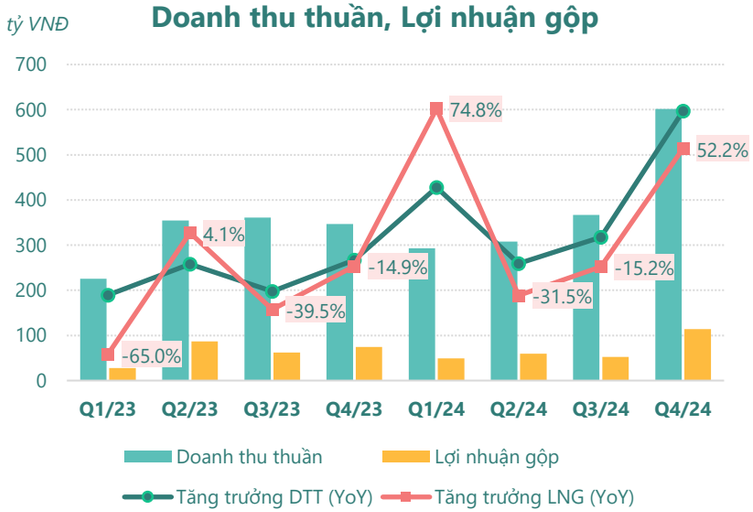

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

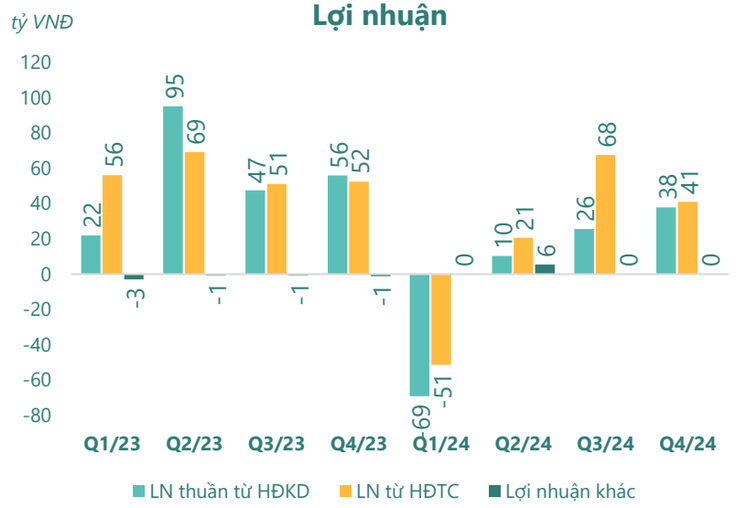

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

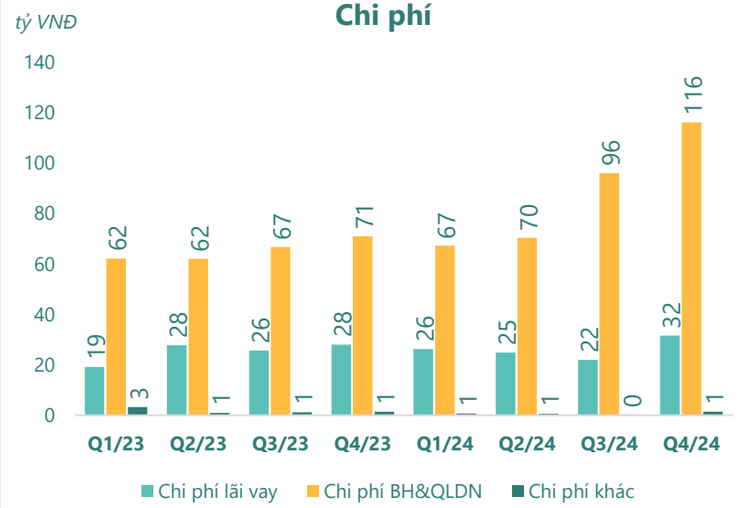

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

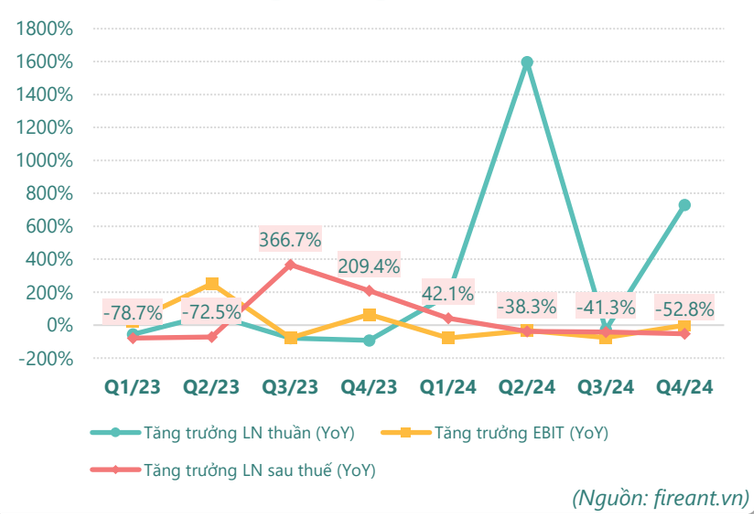

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

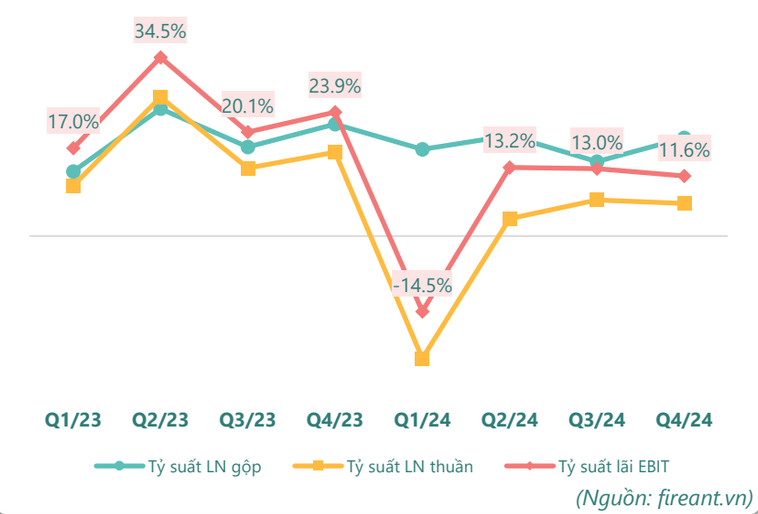

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

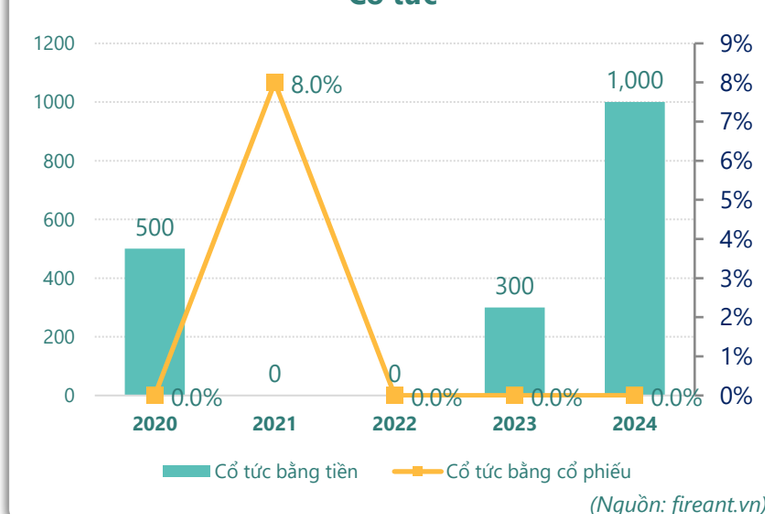

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

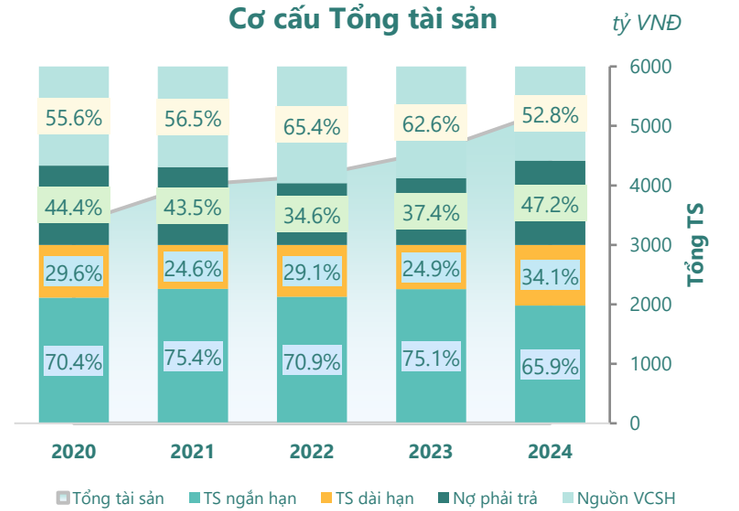

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

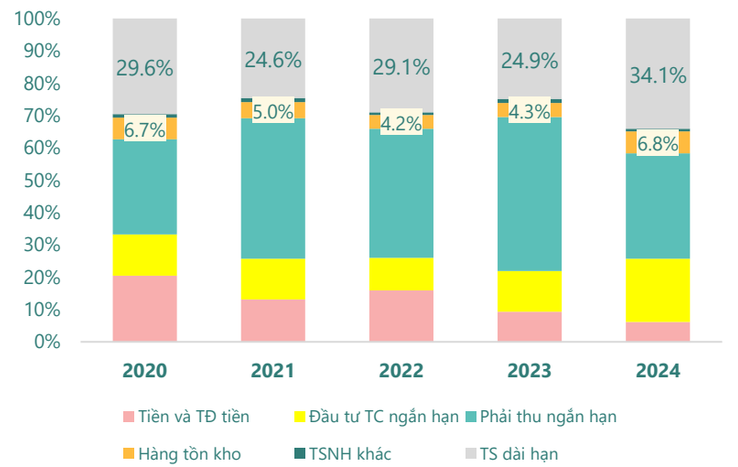

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

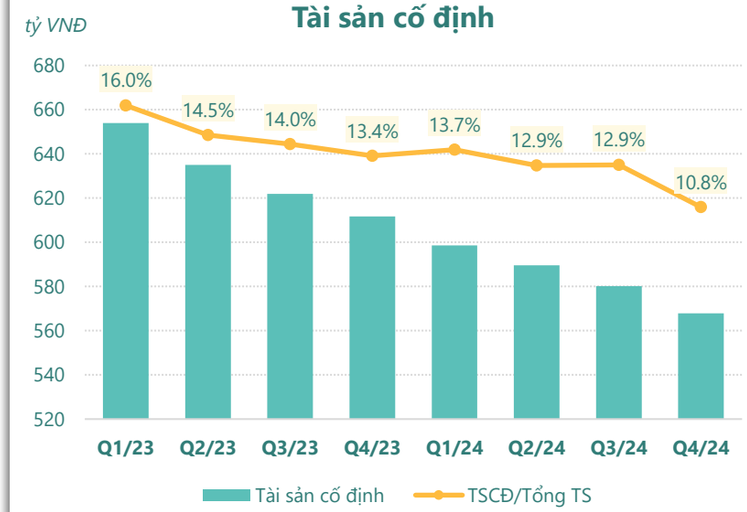

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

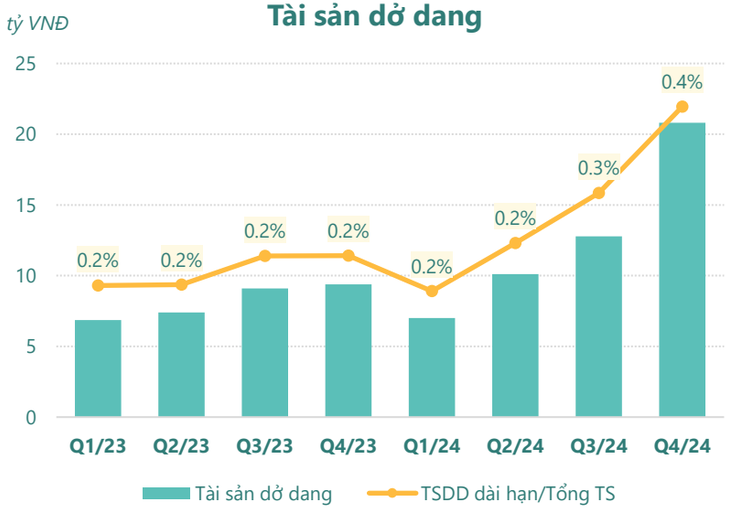

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

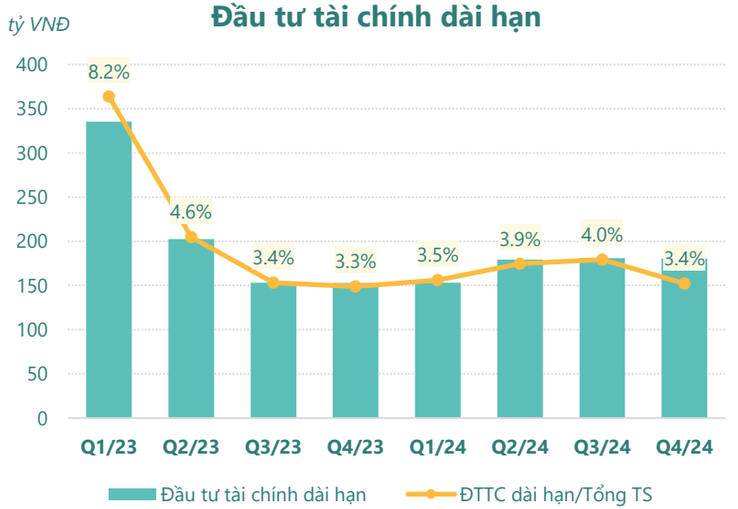

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

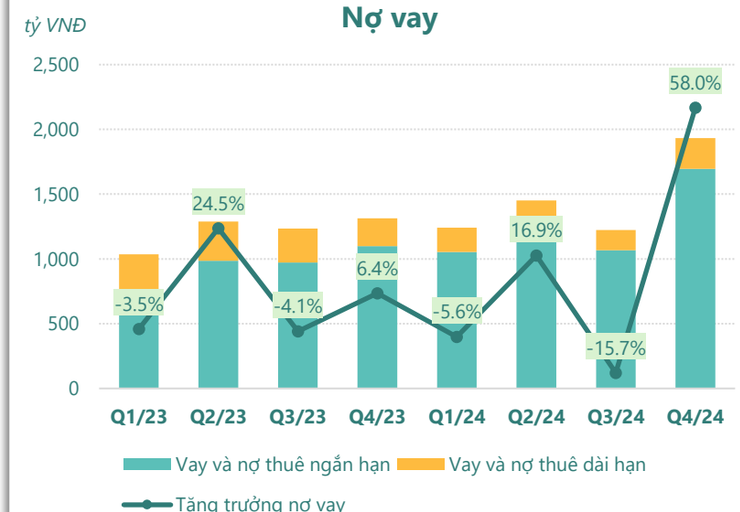

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

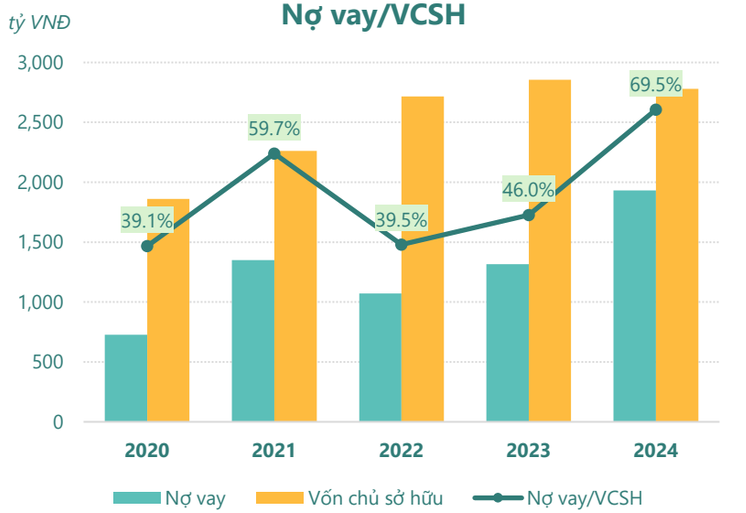

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

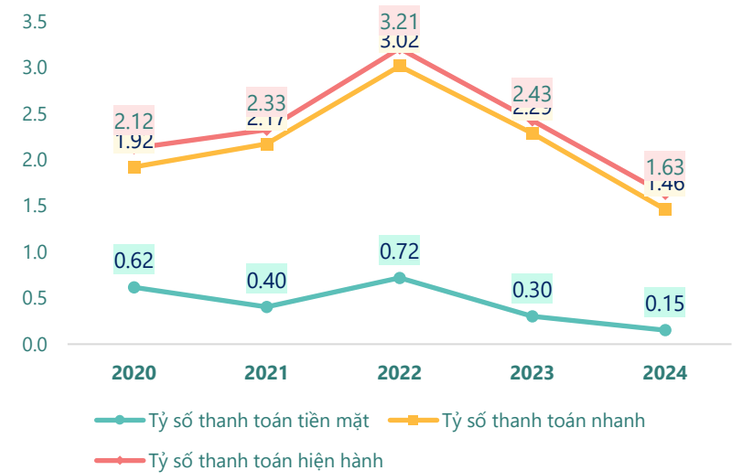

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

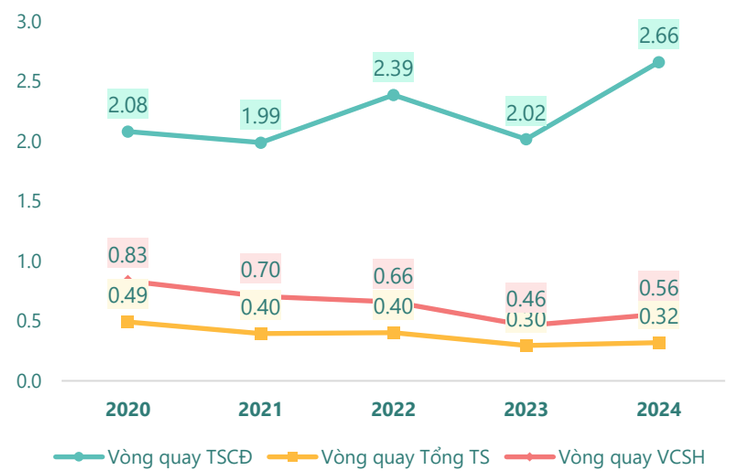

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

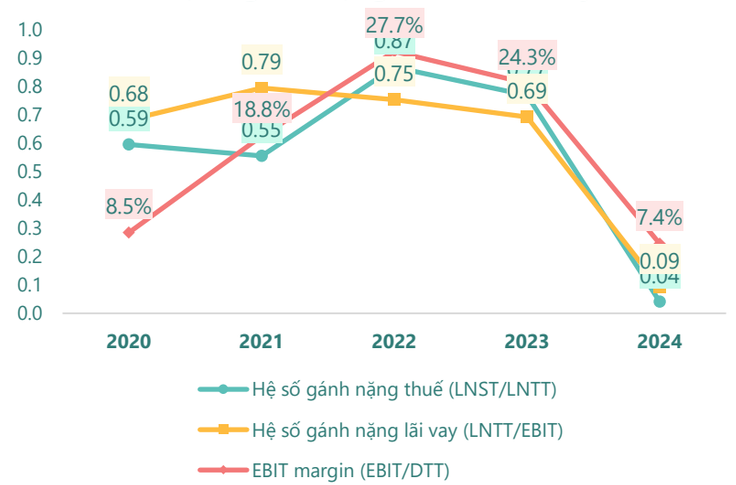

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

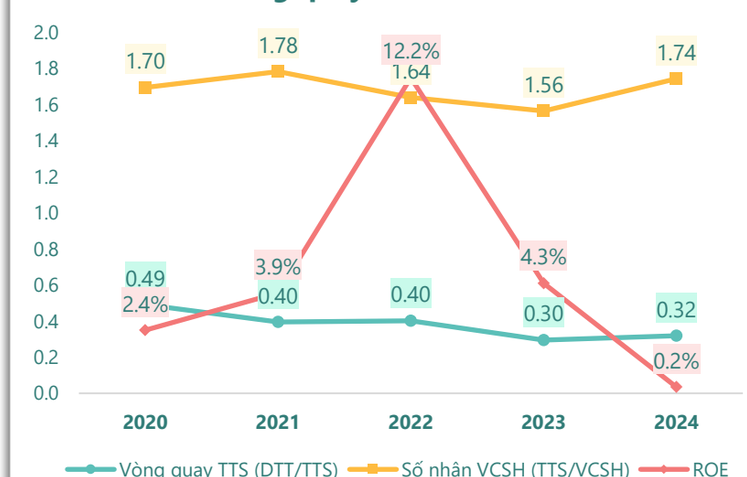

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

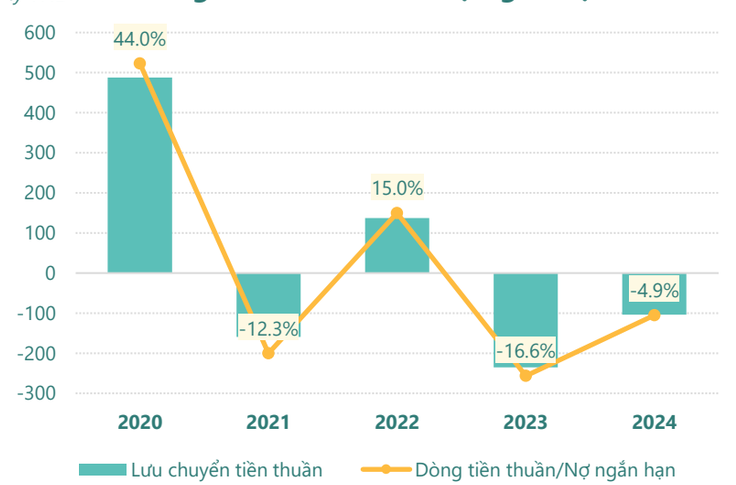

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**602**	**347**	**73.4%**	**1,569**	**1,287**	**21.9%**
Giá vốn hàng bán	488	272	79.4%	1,294	1,036	25.0%
Lợi nhuận gộp	114	74.7	52.3%	275	252	9.3%
Doanh thu HĐTC	75.0	76.0	-1.3%	378	318	19.0%
Chi phí TC	33.9	23.6	43.8%	300	86.5	247%
Chi phí lãi vay	31.6	28.1	12.4%	105	96.6	8.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.74**	**-0.29**	**-156%**	**1.81**	**1.49**	**21.3%**
Chi phí bán hàng	34.2	21.9	56.3%	103	70.9	45.2%
Chi phí QLDN	**82.0**	**49.1**	**66.9%**	**247**	**192**	**28.8%**
LN thuần từ HĐKD	37.9	56.0	-32.3%	4.61	222	-97.9%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**-1.21**	**104%**	**5.97**	**-5.24**	**214%**
LN trước thuế	38.0	54.8	-30.7%	10.6	216	-95.1%
Lợi nhuận sau thuế	**26.3**	**40.7**	**-35.4%**	**0.43**	**166**	**-99.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.1**	**29.7**	**-45.9%**	**6.80**	**119**	**-94.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	353	-336	-130	-116	99.3	-250
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-188	133	216	140	-233	-303
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.2	88.1	-72.7	202	-221	565
Tiền đầu kỳ	436	547	427	440	666	311
Lưu chuyển tiền thuần	**112**	**-114**	**13.6**	**225**	**-355**	**11.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	0.03	-0.05	0.04	-0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	547	433	440	666	311	323

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,264**	**4,566**	**15.3%**
Tài sản ngắn hạn	3,471	3,430	1.2%
Tiền và tương đương tiền	323	427	-24.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,030	575	79.2%
Phải thu ngắn hạn	1,716	2,175	-21.1%
Hàng tồn kho	356	198	79.5%
Tài sản ngắn hạn khác	47.2	55.9	-15.6%
Tài sản dài hạn	**1,793**	**1,136**	**57.8%**
Phải thu dài hạn	712	44.1	1514%
Tài sản cố định	568	612	-7.2%
Bất động sản đầu tư	138	160	-13.8%
Tài sản dở dang	20.8	9.38	122%
Đầu tư tài chính dài hạn	180	153	17.9%
Tài sản dài hạn khác	**89.4**	**60.9**	**46.9%**
Lợi thế thương mại	84.3	97.2	-13.2%
Nợ phải trả	2,484	1,709	45.3%
Nợ ngắn hạn	**2,131**	**1,413**	**50.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,695	1,099	54.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	166	111	49.3%
Nợ dài hạn	352	296	19.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	238	216	10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,781**	**2,857**	**-2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,781**	**2,857**	**-2.7%**
Vốn điều lệ	755	755	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)